

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Phạm Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên
tòa:* Ông Trần Đăng Khoa-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:117/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Châu Thúy D, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp LL, xã DT A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp LL, xã DT A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Châu Thúy D trình bày: Chị với anh Đỗ Văn N chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT A. Thời gian đầu vợ chồng chị sống rất hạnh phúc nhưng sau khi có 01 người con chung tên Đỗ Nhã Th, sinh ngày 05/01/2015 thì chồng chị không còn chăm lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không còn tiếng nói chung. Nay chị yêu cầu được ly

hôn với anh N. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Đỗ D N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện địa phương xác định anh N có hộ khẩu thường trú tại ấp LL, xã ĐT A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Chính quyền địa phương cũng như Mẹ ruột anh N là bà Huỳnh Thị N cũng không xác định rõ mâu thuẫn giữa anh N và chị D. Theo bà Năm cho biết thì mỗi lần chị D và anh N cãi nhau, chị D hay về nhà mẹ ruột sống. Hiện nay chị D cũng đang sống tại nhà mẹ ruột của chị. Bà có nhận văn bản của Tòa án và thông báo cho anh N, anh N cho rằng không đồng ý ly hôn với chị D. Tuy nhiên, không biết vì sao anh N không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Châu Thúy D đối với anh Đỗ Văn N. Giao cháu Đỗ Nhã Th, sinh ngày 05/01/2015 cho chị Châu Thúy D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh Đỗ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 745.000 đồng/ 01 tháng đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Buộc chị Châu Thúy D và anh Đỗ Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Chị Châu Thúy D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị D và anh N không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Anh, Chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N và chị D theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thúy D và anh Đỗ Văn N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị D và anh N là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi xảy ra mâu thuẫn chị D đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, cả anh N và chị D không tìm được biện pháp hàn gắn, ngay cả khi được Tòa án triệu tập thì phía anh N vẫn không đến. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Đỗ Nhã Th đang sống với chị Châu Thúy D, cháu Th hiện còn nhỏ và đang sống ổn định cùng mẹ ruột là chị D. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Th cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển các mặt đời sống tâm lý, về môi trường sống cũng như về thể chất cho cháu. Anh Đỗ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Theo quy định tại các Điều 107 và 110 luật hôn nhân gia đình thì cha mẹ không sống chung với con có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Do đó, cần buộc anh Đỗ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 745.000 đồng đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Châu Thúy D xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Châu Thúy D và anh Đỗ Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu Thúy D đối với anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nhã Th, sinh ngày 05/01/2015 cho chị Châu Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Đỗ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 745.000 đồng đến khi cháu Thư đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Châu Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Châu Thúy D đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003523 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí. Buộc anh Đỗ Văn N phải nộp án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- UBND xã DT A;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

